

Bản án số: 12/2023/DS-PT

Ngày: 09-01-2023

V/v Tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TÂY NINH

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Kim Sang.

*Các Thẩm phán:* Bà Phạm Thị Thanh Giang;  
Ông Hà Chí Quốc.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Oanh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số: 474/2022/TLPT-DS ngày 21 tháng 11 năm 2022 về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022, của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 420/2022/QĐ-PT ngày 01 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Phạm Thị C, sinh năm 1956; cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Bị đơn:* Bà Phạm Thị V, sinh năm 1970; cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Phạm Văn R1, sinh năm 1957; cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

+ Ông Phạm Văn R2, sinh năm 1959; cư trú tại: Địa chỉ hộ khẩu thường trú: Số A, đường H, KH, Phường KH, Quận 5, Thành phố Hồ Chí Minh, vắng mặt.

+ Ông Phạm Văn R3, sinh năm 1961; cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, có mặt.

+ Bà Phạm Thị Kim T, sinh năm 1963; cư trú tại: Đường 22/12, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

+ Bà Phạm Thị B, sinh năm 1968 và bà Đoàn Thị T1, sinh năm 1948; cùng cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

+ Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1969; anh Phạm Thành N, sinh năm 1992; chị Phạm Thị Nguyễn N1, sinh năm 2004; cùng cư trú tại: Đường 22/12, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, vắng mặt có ủy quyền.

+ Chị Nguyễn Thị Như B1, sinh năm 1993, có mặt.

+ Anh Nguyễn Yên Th, sinh năm 1992, vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Đường ĐT, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh.

*Người đại diện theo ủy quyền của:* bà C, ông R1, bà T, bà B, bà Ch, anh N là ông Phạm Thanh Đ, sinh năm 1964; cư trú tại: Khu phố TL, phường GL, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh. (Theo các văn bản ủy quyền ngày 24-12-2019), ông Điền có mặt.

*Người kháng cáo:* Bà Phạm Thị C là nguyên đơn; bà Phạm Thị B, bà Phạm Thị Kim T là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Theo đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị C và người đại diện theo ủy quyền của bà C là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Cha bà C là cụ Phạm Văn B3, chết năm 1999, mẹ là cụ Hồ Thị B2, chết năm 2012. Hai cụ chết không để lại di chúc.

Cha, mẹ bà có tất cả 10 người con chung, gồm: Bà Phạm Thị Đ, chết lúc còn nhỏ, không có chồng, con; ông Phạm Văn B là liệt sĩ, có vợ là bà Đoàn Thị T1 và 01 người con là Phạm Thị B; ông Phạm Văn B3 là liệt sĩ, không có vợ, con; Phạm Thị C; ông Phạm Văn R1; ông Phạm Văn R2; ông Phạm Văn R3; bà

Phạm Thị Kim T; ông Phạm Văn R4, chết năm 2013, có vợ là bà Nguyễn Thị Ch và 02 người con là Phạm Thành N và Phạm Thị Nguyễn N1; bà Phạm Thị V.

Ngoài ra, cụ B3 và cụ B2 không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Sinh thời, cụ B3 và cụ B2 có tạo lập được tài sản là quyền sử dụng đất diện tích 2.421,6 m<sup>2</sup>, thuộc thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh do cụ Hồ Thị B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, ngoài ra không còn tài sản nào khác. Khi cụ B2 còn sống đã phân chia quyền sử dụng đất cho các con xong, còn lại diện tích 174 m<sup>2</sup> (qua đo đạc thực tế là 210,5 m<sup>2</sup>) chưa chia cho ai, trên đất có căn nhà tình nghĩa do Nhà nước xây cho cụ B2 và nhà của bà V. Sau khi cụ B2 chết không để lại di chúc, bà C và các anh, chị, em có thỏa thuận chia quyền sử dụng đất còn lại nhưng không thỏa thuận được. Quyền sử dụng đất hiện do bà V và ông Ra đang quản lý, sử dụng. Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà V đang giữ, căn nhà tình nghĩa hiện ông Ra đang quản lý, sử dụng.

Nay bà C yêu cầu chia quyền sử dụng đất diện tích 210,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10, khu phố LD, phường TrB, thị xã TrB, tỉnh Tây Ninh, do cụ Hồ Thị B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thành 08 phần bằng nhau, bà yêu cầu được hưởng 01 phần bằng giá trị. Bà không tranh chấp tài sản trên đất.

Đối với yêu cầu phản tố của bà V: Bà C có biết việc bà V có đưa cho bà B số tiền 20.000.000 đồng để nhờ bà B trả tiền ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ B2 về, vì cụ B2 đứng tên vay tiền và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng, tiền vay đưa cho ông Ra sử dụng. Bà không nhớ thời gian cụ thể nhưng thời điểm đó số tiền 20.000.000 đồng quy ra vàng là 19 chỉ vàng 24K. Bà không ký tên vào giấy giao kết ngày 14-9-2007 nhưng nay bà đồng ý cùng các đồng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7 như bà V yêu cầu.

*Theo đơn phản tố và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phạm Thị V trình bày:*

Bà V thừa nhận lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản. Bà chuyển về sống trên đất tranh chấp từ năm 1993 để chăm sóc cho cụ B2. Khi cụ B2 còn sống có nói sẽ giao phần đất tranh chấp cho bà quản lý, sử dụng để thờ cúng nhưng không làm giấy tờ gì. Hiện trên đất có 02 căn nhà do bà và vợ chồng của con gái bà là Nguyễn Thị Như B1 và Nguyễn Yến Th cùng xây dựng và sử dụng.

Khoảng năm 2007, bà được biết giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ B2 đang thế chấp cho ngân hàng để ông Ra vay tiền, nhưng đến hạn ông Ra không có tiền trả. Bà B là người trả nợ ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về. Sau đó, bà có trả cho bà B 19 chỉ vàng 24K 9T7 để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc bà trả vàng cho bà B để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có lập thành giấy giao kết ngày 14-9-2007, bà và bà B cùng ký tên, lăn tay và có bà C, ông Ra, bà Vạn, ông Rà và ông Nguyễn Văn Tánh là Trưởng khu phố Lộc Du thời điểm đó ký tên chứng kiến. Bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hiện bà đang giữ.

Nay bà yêu cầu được chia một nửa diện tích quyền sử dụng đất tranh chấp, nửa còn lại chia đều cho các đồng thừa kế. Bà yêu cầu được nhận đất và thanh toán giá trị vì bà là người trực tiếp chăm sóc cụ B2, lo toàn bộ chi phí khi cụ B2 còn sống. Đồng thời, bà yêu cầu những người được chia di sản thừa kế cùng có trách nhiệm trả cho bà 19 chỉ vàng 24K 9T7.

Bà đồng ý để ông Ra tiếp tục ở trên đất cho đến hết đời.

*Theo đơn yêu cầu độc lập và trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn R2 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản. Ông chuyển về sống chung với cụ B2 từ năm 1998, sau khi cụ B2 chết thì ông tiếp tục sống tại căn nhà tình nghĩa mà Ủy ban nhân dân phường Trảng Bàng xây dựng cho cụ B2 đến nay. Vào thời điểm xây dựng nhà tình nghĩa, ông có phụ thêm số tiền 7.000.000 đồng để xây dựng nhà tình nghĩa rộng hơn. Ông và bà V cùng sống trên đất, bà V là người trực tiếp chăm sóc cụ B2. Khi cụ B2 còn sống có nói đất tranh chấp để lại thờ cúng, không chia cho ai nhưng không làm giấy tờ gì.

Năm 2007, bà B có giới thiệu cho ông vay ngân hàng số tiền 20.000.000 đồng, thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ B2, nhưng thực tế ông chỉ nhận 12.000.000 đồng, còn lại bà B nhận. Ông vay tiền để nuôi gà và phụ lo chi phí chăm sóc cụ B2. Số tiền đó ông đã gửi trả hết cho bà B. Ông không biết việc bà V trả vàng cho bà B để chuộc lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Chữ ký trong giấy giao kết ngày 14-9-2007 là của ông nhưng ông không biết đã ký lúc nào và cũng không biết nội dung giấy giao kết đó là gì.

Tháng 4-2022, ông có xây dựng 01 nhà tắm và 01 nhà bếp, lát gạch lại trong nhà tình nghĩa, với tổng số tiền 9.000.000 đồng.

Nay ông yêu cầu chia quyền sử dụng đất tranh chấp thành 08 phần bằng nhau, ông yêu cầu được hưởng một phần. Ông yêu cầu được tiếp tục sử dụng

phần đất có xây dựng căn nhà tình nghĩa và căn nhà tình nghĩa. Ông đồng ý cùng các đồng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn R3 trình bày:*

Ông thống nhất với lời trình bày nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản.

Bà V đã sống trên đất tranh chấp từ năm 1993 để chăm sóc cụ B2 và cúng giỗ. Ông không biết việc cụ B2 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền cho ông Ra, cũng không biết việc bà V trả vàng cho bà B để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không ký tên vào giấy giao kết ngày 14-9-2007. Khi còn sống, cụ B2 có nói đất tranh chấp để thờ cúng, không chia cho ai nhưng không làm giấy tờ gì.

Nay ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà C, ông yêu cầu giao cho bà V tiếp tục quản lý, sử dụng đất để thờ cúng. Nếu Tòa án chia di sản thừa kế theo quy định pháp luật thì ông yêu cầu được chia một phần và ông yêu cầu được chia bằng hiện vật. Ông đồng ý cùng những người thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn R1 và người đại diện theo ủy quyền của ông R1 là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Ông R1 thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản.

Ông R1 không biết việc cụ B2 thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền cho ông Ra, cũng không biết việc bà V trả vàng cho bà B để chuộc giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông không ký tên vào giấy giao kết ngày 14-9-2007.

Nay ông R1 yêu cầu chia di sản thành 08 phần, cho ông R1 được hưởng 01 phần bằng giá trị, ông không tranh chấp tài sản trên đất. Ông đồng ý cùng các đồng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Bà T thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản.

Bà thống nhất với ý kiến của ông R1.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B và người đại diện theo ủy quyền của bà T là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Bà là con ông Phạm Văn B (ông Buôi là liệt sĩ). Bà B thống nhất với lời

trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản.

Khoảng năm 2007, bà V có đưa cho bà B số tiền 20.000.000 đồng, thời điểm đó quy ra vàng là 19 chỉ vàng 24K. Mục đích để nhờ bà B trả tiền ngân hàng lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của cụ B2 về, vì cụ B2 đứng tên vay tiền cho ông Ra và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ngân hàng. Sau khi trả tiền ngân hàng và lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất về thì bà giao ngay cho bà V giữ, bà không giữ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như bà V trình bày; bà cũng không nhận tiền vay như ông Ra trình bày, ông Ra cũng không trả tiền cho bà. Bà không ký tên, lấn tay vào giấy giao kết ngày 14-9-2007.

Nay bà B yêu cầu chia di sản thành 08 phần, cho bà được hưởng 01 phần bằng giá trị, bà không tranh chấp tài sản trên đất. Bà đồng ý cùng các đồng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Đoàn Thị T1 trình bày:*

Bà thống nhất với lời trình bày của bà T về hàng thừa kế và di sản.

Bà là vợ của ông Phạm Văn B, ông Buôi là Liệt sỹ. Bà và ông Buôi có 01 người con chung là bà Phạm Thị B. Nay bà yêu cầu Tòa án chia cho bà B được hưởng 01 suất thừa kế theo quy định pháp luật, bà không có yêu cầu gì khác.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N và người đại diện theo ủy quyền của bà Ch, anh N là ông Phạm Thanh Đ trình bày:*

Bà Ch và anh N thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn về hàng thừa kế và di sản.

Bà Ch và anh N là vợ, con của ông Phạm Văn R4, ông Ru chết năm 2013. Bà Ch và ông Ru có 02 người con chung là anh N và chị Nhi, ngoài ra ông Ru không có con nuôi hay con riêng nào khác.

Nay bà Ch và anh N yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Hồ Thị B2 thành 08 phần, cho bà Ch, anh N và chị Nhi được hưởng 01 phần bằng giá trị, bà Ch và anh N không tranh chấp tài sản trên đất. Bà Ch và anh N đồng ý cùng các đồng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Phạm Thị Nguyễn N1 trình bày:*

Chị là con của ông Phạm Văn R4 và bà Nguyễn Thị Ch. Chị thống nhất với lời trình bày của bà Ch và anh N.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Như B1 trình bày:*

Chị là con của bà V, chị đã sống trên đất tranh chấp cùng với bà V từ nhỏ. Hiện nay chị và chồng chị là anh Nguyễn Yên Th cùng sống với bà V, khoảng năm 2015 chị có xây dựng thêm sân xi măng ở trước nhà với số tiền 20.000.000 đồng. Nay vợ chồng chị yêu cầu được tiếp tục sống trên đất tranh chấp.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Yên Th trình bày:*

Anh là chồng chị Bình, là con rể bà V, anh và chị Bình kết hôn và sinh sống trên phần đất tranh chấp từ năm 2018, anh thống nhất với lời trình bày của chị Bình.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 119/2022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022, của Toà án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đã quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với bà Phạm Thị V về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu những người được hưởng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

Bà Phạm Thị V được quyền sử dụng phần đất diện tích 210,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10, khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường Xe Sâu nhựa dài 8,11 m;

Phía Tây giáp đất của ông Triệu dài 5,7 m;

Phía Nam giáp đất ông Rà dài 30 m;

Phía Bắc giáp đất ông Long dài 16,1 m + 0,85 m + 13,71 m.

Bà V có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

Buộc bà Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn R2, ông Phạm Văn R3, ông Phạm Văn R1, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B mỗi người số tiền 296.330.000 (Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Buộc bà Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N, chị Phạm Thị Nguyễn N1 số tiền 296.330.000 (Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 27 tháng 10 năm 2022, bà Phạm Thị C kháng cáo, yêu cầu sửa bản án sơ thẩm theo hướng không đồng ý cho ông Phạm Văn R2 được tiếp tục sinh sống trên phần đất là di sản của cụ B3 và cụ B2.

Ngày 27 và 29 tháng 10 năm 2022, Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm về phần án phí.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B là ông Phạm Thanh Đ giữ nguyên yêu cầu kháng cáo của bà B và rút yêu cầu kháng cáo của bà T, vì tại thời điểm Tòa án sơ thẩm xét xử bà T chưa đủ 60 tuổi, nên cấp sơ thẩm buộc bà T chịu án phí là đúng. Tại tòa hôm nay, bà T đã hơn 60 tuổi, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét miễn án phí cho bà T.

*- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tây Ninh:*

Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều đảm bảo đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, chấp hành tốt nội quy phiên tòa;

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà C; chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà C, bà B, sửa bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Phạm Thị C, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Phạm Văn R1, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B, bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N vắng có người đại diện theo ủy quyền tham gia. Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án theo quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo; bị đơn bà Phạm Thị V giữ nguyên yêu cầu phản tố và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị B giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

[3] Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Thị Kim T rút kháng cáo. Căn cứ vào khoản 1 Điều



289 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của bà T.

[4] Xét kháng cáo của các đương sự:

[4.1] Xét kháng cáo của nguyên đơn bà Phạm Thị C, thấy rằng:

Tại phiên tòa, các đương sự thống nhất trình bày: Cụ Phạm Văn B và cụ Hồ Thị B2 chung sống có 10 người con, trong đó 02 người chết khi còn nhỏ và không có vợ con. Hai cụ khi còn sống có tạo lập được tài sản là phần đất có diện tích là 210,5 m<sup>2</sup> thuộc thửa số 40, tờ bản đồ số 10, tọa lạc tại khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh do cụ Hồ Thị B2 đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Hai cụ chết không để lại di chúc, nên tài sản trên là di sản của hai cụ được chia thừa kế theo pháp luật. Khi cụ B2 còn sống có vay tiền của Ngân hàng, bà V đã bỏ ra 19 chỉ vàng 24k để thanh toán lấy lại Giấy CNQSDĐ. Các đương sự đều thống nhất thanh toán lại cho bà V và không tranh chấp tài sản trên đất. Tòa án cấp sơ thẩm sau khi trừ đi nghĩa vụ thanh toán đã chia di sản thừa kế thành 08 kỷ phần bằng giá trị cho các đồng thừa kế là có căn cứ. Trên đất có 01 căn nhà tình nghĩa và 01 căn nhà do bà V cùng các con của bà xây cất, hiện bà V cùng các con của bà (Chị Bình, anh Thanh) và ông Ra đang sống trên nhà, đất và diện tích đất không đủ chia bằng hiện vật; nên cấp sơ thẩm tiếp tục giao nhà, đất cho bà V được quyền sở hữu, sử dụng và buộc bà V thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

Bà C kháng cáo không đồng ý cho ông Ra tiếp tục ở trên đất tranh chấp đến cuối đời, vì nếu bà V không thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho các đồng thừa kế thì buộc phải yêu cầu kê biên, phát mãi tài sản tranh chấp để thi hành án. Nên việc Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận ý kiến của bà V cho ông Ra ở đến cuối đời thì sẽ không thi hành án được.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc bà V tự nguyện cho ông Ra được sinh sống trên đất đến cuối đời là do mối quan hệ tình cảm anh em của bà V đối với ông Ra khi bà V được giao quản lý, sử dụng và đứng tên quyền sử dụng đất. Nhưng trong vụ án này, bà V phải có nghĩa vụ thanh toán giá trị kỷ phần thừa kế cho những người khác. Do đó, sau khi bà V thực hiện xong nghĩa vụ thanh toán và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì bà V mới được quyền cho ông Ra ở trên đất của bà. Tòa án cấp sơ thẩm ghi nhận cho ông Ra được ở trên đất đến cuối đời là không đúng. Nên kháng cáo của bà C là có căn cứ chấp nhận.

[4.2] Xét kháng cáo của bà Phạm Thị B, thấy rằng: Bà B là con duy nhất của liệt sĩ Phạm Văn B và hiện là người thờ cúng liệt sĩ theo Quyết định số:

3514/QĐ-SLĐTBXH ngày 27 tháng 12 năm 2019 của Sở Lao động Thương binh và Xã hội tỉnh Tây Ninh, trong quá trình giải quyết vụ án cấp sơ thẩm không giải thích cho bà B về những trường hợp được miễn án phí theo Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mà buộc bà B phải chịu án phí là thiếu sót, cần rút kinh nghiệm. Do đó, có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà B.

[5] Bị đơn bà Phạm Thị V có yêu cầu phản tố về việc bà trả 19 chỉ vàng 24K 9T7 cho bà B, để lấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đang thế chấp tại ngân hàng. Tại thời điểm xét xử, 19 chỉ vàng 24K 9T7 có giá 5.000.000 đồng/chỉ, tổng giá trị là: 95.000.000 đồng. Các đồng thừa kế cũng đồng ý thanh toán cho bà V số tiền này, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu phản tố của bà V là có căn cứ. Đồng thời số tiền 95.000.000 đồng được xem là nghĩa vụ tài sản của cụ B2, vì thế phải thanh toán số tiền này trước khi chia di sản, Tòa án cấp sơ thẩm đã trừ số tiền này vào giá trị di sản trước khi chia thừa kế là đúng nhưng lại tính án phí đối với số tiền này là không đúng theo quy định tại điểm b khoản 7 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, nên cấp phúc thẩm điều chỉnh lại án phí dân sự sơ thẩm. Cấp sơ thẩm cần rút kinh nghiệm.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm được tính lại như sau:

Giá trị di sản là 2.761.970.500 đồng, trừ cho thực hiện nghĩa vụ đối với bà V là 95.000.000 đồng, di sản còn lại có giá trị: 2.666.970.500 đồng, chia cho 09 kỹ phần, mỗi kỹ phần được hưởng 296.330.000 đồng. (Trong đó, bà V được hưởng 02 kỹ phần thừa kế do có công sức gìn giữ di sản và chăm sóc cụ B2)

- Bà Phạm Thị V phải chịu án phí đối với 02 kỹ phần di sản được hưởng là 592.660.000 đồng. Cụ thể: 20.000.000 đồng + (4% x 192.660.000 đồng) = 27.706.400 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N, chị Phạm Thị Nguyễn N1 phải chịu án phí trên giá trị di sản hưởng là 296.330.000 đồng x 5% = 14.816.500 đồng

- Tại phiên tòa phúc thẩm, bà T đã 60 tuổi và có Đơn xin miễn án phí. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, miễn án phí cho bà T.

Những người còn lại: bà C, ông R1, ông Ra, ông Rà và bà B được miễn án phí theo quy định tại Điều 12 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[7] Từ những nhận định và phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận kháng cáo của bà Phạm Thị C và bà Phạm Thị B; sửa bản án sơ thẩm.

[8] Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên có căn cứ chấp nhận.

[9] Án phí phúc thẩm: Bà C, bà B, bà T được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ Điều 289 và khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị B;

Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với yêu cầu kháng cáo của bà Phạm Thị Kim T.

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 1192022/DS-ST ngày 14 tháng 10 năm 2022 của Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

Căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị C đối với bà Phạm Thị V về việc “Tranh chấp về thừa kế tài sản”.

2. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu phản tố của bà Phạm Thị V về việc yêu cầu những người được hưởng thừa kế trả cho bà V 19 chỉ vàng 24K 9T7.

3. Bà Phạm Thị V được quyền sử dụng phần đất diện tích 210,5 m<sup>2</sup> tọa lạc tại thửa đất số 40, tờ bản đồ số 10, khu phố Lộc Du, phường Trảng Bàng, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, có tứ cận như sau:

Phía Đông giáp đường Xe Sâu nhựa dài 8,11 m;

Phía Tây giáp đất của ông Triệu dài 5,7 m;

Phía Nam giáp đất ông Rà dài 30 m;

Phía Bắc giáp đất ông Long dài 16,1 m + 0,85 m + 13,71 m.

Kiến nghị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho bà Phạm Thị V theo quyết định của bản án. Bà V có trách nhiệm đến cơ quan có thẩm quyền làm thủ tục kê khai đăng ký quyền sử dụng đất được chia theo quy định pháp luật.

4. Buộc bà Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn R2, ông Phạm Văn R3, ông Phạm Văn R1, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B mỗi người số tiền 296.330.000 (Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

Buộc bà Phạm Thị V có nghĩa vụ thanh toán cho bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N và chị Phạm Thị Nguyễn N1 số tiền 296.330.000 (Hai trăm chín mươi sáu triệu ba trăm ba mươi nghìn) đồng.

*Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.*

Ghi nhận các đương sự không tranh chấp tài sản trên đất.

5. Chi phí tố tụng: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tranh chấp số tiền 3.000.000 (Ba triệu) đồng, bà Phạm Thị C tự nguyện chịu, ghi nhận đã nộp xong.

6. Án phí sơ thẩm:

- Bà Phạm Thị C, ông Phạm Văn R2, ông Phạm Văn R3, ông Phạm Văn R1, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

- Bà Phạm Thị V phải chịu 27.706.400 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu số: 0015320, ngày 10 tháng 5 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; bà V còn phải nộp thêm số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 25.206.400 (Hai mươi lăm triệu hai trăm lẻ sáu nghìn bốn trăm) đồng.

- Bà Nguyễn Thị Ch, anh Phạm Thành N và chị Phạm Thị Nguyễn N1 cùng phải chịu 14.817.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

7. Án phí phúc thẩm: Bà Phạm Thị C, bà Phạm Thị Kim T, bà Phạm Thị B được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Kim T 300.000 đồng số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số: 0026881 ngày 07 tháng 11 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có*

*quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- VKSND. TTN;
- Phòng KTNV.TAT;
- TAND thị xã TrB;
- CCTHADS thị xã TrB;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu tập án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Trần Thị Kim Sang**